TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 35/2020/QĐST-HNGĐ	*Phong Thổ, ngày 18 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ, TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 59/2020/TLST – HNGĐ, ngày 09 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Vàng Ch H, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: tổ dân phố H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Nơi làm việc: tổ dân phố H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

- Anh Nguyễn V L, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: tổ dân phố H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Nơi làm việc: tổ dân phố H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản hòa giải ngày 10 tháng 6 năm 2020. Chị Vàng Ch H và anh Nguyễn V L đã được Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ nhưng chị H và anh L không hàn gắn được tình cảm và giữ, nguyên quan điểm là: Yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và các thỏa thuận nuôi con, lệ phí cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Ch H và anh Nguyễn V L yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Vàng Ch H và anh Nguyễn V L có 02 con chung cháu lớn tên là: Nguyễn V Th A sinh ngày 31/10/2006, cháu nhỏ tên là Nguyễn V T sinh ngày 29/12/2017. Các đương sự thỏa thuận là cháu Th A và V T sẽ do chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Th A và V T đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng: Chị Vàng Ch H không yêu cầu anh Nguyễn V L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Các bên phải tạo điều kiện cho nhau trong việc chắm sóc, giáo dục, thăm non các con chung mà không bên nào được ngăn cấm hoặc cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Vàng Ch H và anh Nguyễn V L xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết, xác nhận không có nợ chung.

[4] Về lệ phí: Chị Vàng Ch H và anh Nguyễn V L mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc dân sự. Chị H và anh L thỏa thuận thống nhất: Toàn bộ lệ phí giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự sẽ do chị H có trách nhiệm chịu thay phần lệ phí mà anh L phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Ch H và anh Nguyễn V L thuận tình ly hôn.

1.2 Về con chung: Chị Vàng Ch H và anh Nguyễn V L có 02 con chung cháu lớn tên là: Nguyễn Vương Th A sinh ngày 31/10/2006, cháu nhỏ tên là Nguyễn V T sinh ngày 29/12/2017. Các đương sự thỏa thuận cháu Th A và cháu V T sẽ do chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Th A và cháu V T đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Chị Vàng Ch H không yêu cầu anh Nguyễn V L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Các bên phải tạo điều kiện cho nhau trong việc chăm sóc, giáo dục, thăm non các con chung mà không bên nào được ngăn cấm hoặc cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Vàng Ch H và anh Nguyễn V L xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết, xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Vàng Ch H và anh Nguyễn V L mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự. Chị H và anh L thỏa thuận, thống nhất: Toàn bộ lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự sẽ do chị H có trách nhiệm chịu thay cả phần lệ phí mà anh L phải chịu. Vậy chị H phải nộp lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng và được đối trừ vào tiền

tạm ứng lệ phí Tòa án mà chị H đã nộp 300.000 đồng ngày 09 tháng 6 năm 2020 theo biên lai số: AA/2010/0004532 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Toà án tỉnh Lai Châu;
- VKS nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự huyện Phong Thổ;
- Sở tư pháp;
- UBND xã S;

THẨM PHÁN

Triệu Trung Tá